TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/DS-ST
Ngày 25/6/2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Trần Đại Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 112/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (*Nay là Ngân hàng TMCP T)*; Địa chỉ: đường N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Lê Nguyên C, chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP S *(nay là Ngân hàng TMCP T)* – Chi nhánh P, phòng giao dịch T; Địa chỉ: đường T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt tại phiên toà.*

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt tại phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày*:* Ngày 06/12/2023, giữa bà Nguyễn Thị M và Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* đã ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân – số hợp đồng 3056967; ngày hợp đồng: 06/12/2023. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng số 3749724609 và 3804862088 cho bà Nguyễn Thị M với hạn mức sử dụng chung là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất thỏa thuận là 33,2%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị M nhiều lần vi phạm

nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bà M phải trả số tiền đã vay nhưng đến nay bà M vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết, buộc bà M phải hoàn trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 25/6/2026 của 02 thẻ tín dụng tổng cộng là 31.545.133 đồng (trong đó: gốc là 24.558.294 đồng, lãi quá hạn là 6.986.839 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc quá hạn 31.545.133 đồng và lãi phát sinh theo quy định. Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* về Hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp Hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc "*Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực*".

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị M để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng – số hợp đồng 3056967, số tài khoản 02 thẻ tín dụng 3749724609 và 3804862088, giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)*

và bị đơn bà Nguyễn Thị M có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện: Ngày 06/12/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị M có ký kết với nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, số hợp đồng 3056967, số tài khoản 02 thẻ tín dụng 3749724609 và 3804862088. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn hai bên thỏa thuận là 33,2%/năm, được tính theo Biểu phí lãi suất do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ và lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)*, các bên thoả thuận: Chủ thẻ phải theo dõi và thực hiện các biện pháp cần thiết để dư nợ của mình không vượt quá hạn mức được phê duyệt vào bất cứ thời điểm nào. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt hạn mức.

[2.3] Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, do bị đơn bà Nguyễn Thị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2026), bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 31.545.133 đồng (trong đó: gốc là 24.558.294 đồng, lãi quá hạn là 6.986.839 đồng). Xét thấy, việc bị đơn không thanh toán nợ khi đến hạn cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2026) tổng cộng: 31.545.133 đồng; trong đó: gốc là 24.558.294 đồng, lãi quá hạn là 6.986.839 đồng.

[2.4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, số hợp đồng 3056967 ngày 06/12/2023 được ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* và bị đơn bà Nguyễn Thị M.

[3] Về án phí*:* Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 21, 26, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* số tiền vay còn nợ tính đến ngày 25/6/2026 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, số Hợp đồng 3056967 ngày 06/12/2023. Tổng cộng số tiền: **31.545.133 đồng (***Ba mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba đồng)*. Trong đó: gốc là 24.558.294 đồng *(Hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm chín mươi tư đồng)*, lãi quá hạn là 6.986.839 đồng (*Sáu triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, bị đơn bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, số Hợp đồng 3056967, ngày 06/12/2023 được ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* và bị đơn bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 1.577.500 đồng (*Một triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S *(Nay là Ngân hàng TMCP T)* số tiền 661.000 đồng *(Sáu trăm sáu mươi mốt nghìn đồn*g) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004048 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Nhật